TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH LÀO CAI **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ- ST
Ngày 12/9/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Đàm Sông Hương.

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm - Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2022 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T - Sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn T (Tên gọi khác: T) - Sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh L. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T Bộ C. Địa chỉ: Xã M, huyện T, thành phố H - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn T có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu Thuẫn, nguyên nhân do anh T mải chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên vắng nhà đi đâu làm gì không bao giờ nói cho chị biết. Ngoài ra từ năm 2016 đến nay anh T liên tục vi phạm pháp luật và bị các Tòa án nhân dân xét xử, xử

phạt tù. Trong thời gian chấp hành án chị cũng nhiều lần thăm gặp, động viên anh T cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình, nhưng anh T không chấp hành tập trung cải tạo mà trốn khỏi nơi giam và tiếp tục có hành vi phạm tội. Hiện nay thời gian chấp hành án của anh T còn dài (hơn 10 năm nữa). Vì vậy chị nhận thấy, tỉnh cảm vợ chồng không còn, không thể có điều kiện để cùng nhau xây dựng hạnh phúc, mâu Thuẫn đã trầm trọng nên Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết được ly hôn anh Triệu Văn T.

Về con: Chị và anh Triệu Văn T chưa có con chung. Anh Triệu Văn T có một con riêng tên là Triệu Văn S, sinh năm 1995. Cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có cuộc sống riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về T sản chung và nghĩa vụ tải sản: Vợ chồng chưa có T sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T cũng công nhận về thời gian chung sống, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn như chị Lương Thị T trình bầy là đúng nhưng theo anh vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu Thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác từ năm 2017 anh có hành vi vi phạm pháp luật nên từ đó đến nay anh phải cải tạo trong các trại giam. Trong thời gian anh cải tạo chị T cũng ít quan tâm thăm nom anh, hiện nay thời gian chấp hành án của anh còn dài, anh cũng thấy tình cảm của chị T đối với anh nhạt phai. Nên chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí để giải phóng cho chị T.

Về con: Anh cũng xác nhận như chị Lương Thị T trình bầy, anh có một con riêng tên là Triệu Văn S, sinh năm 1995. Cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có cuộc sống riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về T sản chung và nghĩa vụ tải sản: Vợ chồng chưa có T sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Triệu Văn T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị T như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Lương Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lương Thị T yêu cầu Ly hôn. Xét thấy, bị đơn anh Triệu Văn T ĐKHKTT tại Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh L. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam T Bộ C. Địa chỉ: Xã M, huyện T, thành phố H. Nên vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*".

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lương Thị T và anh Triệu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Triệu Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của các đương sự, xác nhận của trại giam T đủ căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị T, anh T chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu Thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày. Cũng từ năm 2017 anh T có hành vi vi phạm pháp luật nên phải cải tạo trong các trại giam. Trong thời gian anh cải tạo chị T cũng ít quan tâm thăm nom anh T. Hiện nay theo bản án số: 86/2021/ HSST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Y thời gian anh T còn phải chấp hành án là hơn 13 năm tù nữa. Anh T, chị T thấy tình cảm vợ chồng đã nhạt phai, mâu Thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó để có cuộc sống chung nữa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị T về việc ly hôn anh Triệu Văn T.

[3] Về con: Chị Lương Thị T và anh Triệu Văn T chưa có con chung; anh T có 01 con riêng là cháu Triệu Văn S, sinh năm 1995 cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

[4] Về T sản chung và nghĩa vụ tải sản: Vợ chồng chưa có T sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn T (tên gọi khác T).

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004297 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Triệu Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã S(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái